TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/DS-ST
Ngày 21-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ

Bà Trần Thị Tuyết Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 32/2024/TLST-DS ngày 6 tháng 02 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty S; Địa chỉ trụ sở: N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lam T; địa chỉ liên hệ: P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo văn bản uỷ quyền năm 2024 (không đề ngày tháng) của Giám đốc Công ty S. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn Đ; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-01-2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty S có người đại diện hợp pháp trình bày cho rằng ngày 22-5-2023 bị đơn Bà Trần Thị Mỹ H có đến chi nhánh Sóc Trăng của Công ty S (sau

đây gọi tắt là Công ty) để ký Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230501023NA17X, có đăng ký giao dịch đảm bảo trên Hệ thống đăng ký trực tuyến Cục đăng ký quốc gia số 1515413082, nội dung: Đăng ký cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-051.56, loại xe HONDA SH MODE 125 CC màu xanh, số khung RLHJF5149GZ009674 – số máy JF51e0814828, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 196219 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25-03-2017 cho Bà Trần Thị Mỹ H, để vay số tiền vốn 19.800.000 đồng trong thời hạn 12 tháng (từ ngày 22-5-2023 đến ngày 22-5-2024), với mức lãi suất 1,1%/tháng. Theo thỏa thuận hợp đồng trên thì Công ty đã giải ngân cho Bà Trần Thị Mỹ H nhận đủ số tiền 19.800.000 đồng; và do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho Bà Trần Thị Mỹ H mượn lại xe sử dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì Bà Trần Thị Mỹ H đã thanh toán cho Công ty số tiền 6.903.000 đồng gồm tiền vốn 4.602.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 22-5-2023 đến ngày 22-8-2023 số tiền 604.000 đồng, phí mượn xe 1.386.000 đồng, phí quản lý hồ sơ 274.000 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 37.000 đồng, từ đó Bà Trần Thị Mỹ H vi phạm thỏa thuận không trả tiền vốn, lãi và cũng không trả lại xe máy cho Công ty như thỏa thuận. Công ty đã nhiều lần liên hệ Bà Trần Thị Mỹ H để tạo điều kiện cho Bà Trần Thị Mỹ H trả tiền vay hoặc trả lại tài sản cầm cố nhưng Bà Trần Thị Mỹ H không thực hiện. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Trần Thị Mỹ H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe tổng số tiền tạm tính đến ngày 03-01-2024 là 23.248.000 đồng, gồm tiền nợ gốc 15.198.000 đồng, lãi 1.504.000 đồng (1,1%/tháng), phí 5.346.000 đồng (3,5%/tháng), phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán; trường hợp Bà Trần Thị Mỹ H không có khả năng trả nợ, yêu cầu phát mãi tài sản để thực hiện trả nợ cho Công ty S; ngoài ra, Bà Trần Thị Mỹ H còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký ngày 22-5-2023 đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 24-6-2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty S trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Trần Thị Mỹ H trả cho Công ty số tiền 16.702.000 đồng, gồm tiền vốn 15.198.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 23-8-2023 đến ngày 22-5-2024 là 1.504.000 đồng, không yêu cầu về tiền lãi phát sinh từ ngày 23-5-2024 và rút lại yêu cầu về phát mãi tài sản là 01 chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-051.56, loại xe HONDA SH MODE 125 CC màu xanh, số khung RLHJF5149GZ009674 – số máy JF51e0814828, yêu cầu về phí 5.346.000 đồng (3,5%/tháng), phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Bị đơn Bà Trần Thị Mỹ H đã được Tòa án tống hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ (chồng của bà Trần Thị Mỹ H) đã được Tòa án tống hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền vốn vay, tiền lãi phát sinh; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn Bà Trần Thị Mỹ H đăng ký cư trú Ấp Đ, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng và khi ký Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230501023NA17X ngày 22-5-2023 với Công ty S cung cấp địa chỉ nơi cư trú trên nhưng sau đó Bà Trần Thị Mỹ H thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Công ty S biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 5-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn khẳng định cá nhân Bà Trần Thị Mỹ H giao dịch Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230501023NA17X ngày 22-5-2023 với Công ty S; đồng thời, thừa nhận bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 6.903.000 đồng, gồm tiền vốn 4.602.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 22-5-2023 đến ngày 22-8-2023 số tiền 604.000 đồng, phí mượn xe 1.386.000 đồng, phí quản lý hồ sơ 274.000 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 37.000 đồng; xác định yêu cầu cá nhân bị đơn trả số tiền 16.702.000 đồng, gồm tiền vốn 15.198.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 23-8-2023 đến ngày 22-5-2024 là 1.504.000 đồng,, không yêu cầu về tiền lãi phát sinh từ ngày 23-5-2024 và rút lại yêu cầu phát mãi tài sản là 01 chiếc xe mô tô hai bánh

biển kiểm soát 83P3-051.56, loại xe HONDA SH MODE 125 CC màu xanh, số khung RLHJF5149GZ009674 – số máy JF51e0814828, yêu cầu về phí 5.346.000 đồng (3,5%/tháng), phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét thấy, việc thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và việc tự quyết định, định đoạt các nội dung như trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 5, Điều 91, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn vay 15.198.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230501023NA17X ngày 22-5-2023. Thấy rằng, hợp đồng trên được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn trên cơ sở ý chí tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 117, Điều 280, Điều 309, Điều 463 Bộ luật Dân sự. Nội dung hợp đồng thể hiện bị đơn nhận của nguyên đơn số tiền vốn vay 19.800.000 đồng và cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-051.56, loại xe HONDA SH MODE 125 CC màu xanh, số khung RLHJF5149GZ009674 – số máy JF51e0814828 để đảm bảo cho khoản vay này; và như nguyên đơn trình bày quá trình thực hiện hợp đồng thì bị đơn đã trả được số tiền vốn 4.602.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn 15.198.000 đồng. Nay bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ như đã phân tích tại đoạn [1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng thông báo về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gửi đến Tòa án, đồng thời bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng thì được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản [...] mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn vay của nguyên đơn số tiền vốn 19.800.000 đồng nhưng chỉ thanh toán được số tiền vốn 4.602.000 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tiếp tục phải thanh toán số tiền nợ vốn 15.198.000 đồng là phù hợp ý chí giữa hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, đúng quy định pháp luật như đã viện dẫn, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu về tiền lãi vay phát sinh từ ngày 23-8-2023 đến ngày 22-5-2024 với mức lãi suất 1,1%/tháng là 1.504.000 đồng (15.198.000 đồng x 09 tháng x 1,1%/tháng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Từ những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn không phải chịu án phí theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 117, Điều 280, Điều 309, Điều 463, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S đối với bị đơn Bà Trần Thị Mỹ H về việc phát mãi tài sản là 01 chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-051.56, loại xe HONDA SH MODE 125 CC màu xanh, số khung RLHJF5149GZ009674 – số máy JF51e0814828, yêu cầu về phí 5.346.000 đồng (3,5%/tháng), phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cầm cố tài sản số STM230501023NA17X ngày 22-5-2023.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S đối với bị đơn Bà Trần Thị Mỹ H:

2.1. Buộc Bà Trần Thị Mỹ H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền tổng cộng là 16.702.000 đồng (bằng chữ: Mười sáu triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng), gồm tiền vốn 15.198.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23-8-2023 đến ngày 22-5-2024 là 1.504.000 đồng.

2.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm buộc Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 835.000 đồng (bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng); hoàn trả cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 580.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm tám mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000224 ngày 02-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Nhẫn